

Số: /QĐ-ĐHNLBG-HĐT Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2
(dành cho sinh viên)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 780/HD-ĐHNLBG ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thực hiện quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 24/9/2020 của Hội đồng xét kết quả kỳ thi cấp chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 06 tháng 9 năm 2020;

Theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 06 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 31 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng nhận năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 2 (A2) của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Có danh sách thí sinh và kết quả kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 2
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

*(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày tháng năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									Nghe	Đọc + Viết	Nói	Tổng điểm	
1	TA04	Nông Tuấn	Anh	18/03/2000	Quảng Ninh	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0131	9	53	12	74	A2
2	TA05	Hoàng Thị Minh	Ánh	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0359	8	51	11	70	A2
3	TA12	Đình Thu	Hà	15/10/1999	Ninh Bình	Nữ	D-THUY7A	17DTY0529	13	48	10	71	A2
4	TA13	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/05/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0362	17	59	9	85	A2
5	TA16	Nguyễn Thị	Hân	01/10/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0285	13	50	9	72	A2
6	TA19	Hà Huy	Hùng	25/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0240	13	46	11	70	A2
7	TA21	Dương Thị Thanh	Huyền	06/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0372	12	55	7	74	A2
8	TA22	Nguyễn Thanh	Hương	24/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0156	11	54	9	74	A2
9	TA24	Hoàng Thành	Lâm	15/12/2001	Lạng Sơn	Nam	D-THUY 9A	19TY0659	16	47	11	74	A2
10	TA25	Đỗ Thùy	Linh	19/04/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0377	10	50	10	70	A2
11	TA26	Trần Thị Ái	Linh	03/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0380	18	52	13	83	A2
12	TA27	Nguyễn Tuấn	Mạnh	04/08/1999	Hà Nam	Nam	D-KETOAN7A	17DKT0380	21	52	11	84	A2
13	TA28	Phan Thị	Nga	15/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0159	18	57	11	86	A2
14	TA30	Đỗ Bích	Ngọc	02/08/2001	Hà Nội	Nữ	D-CNTP 9A	19DCNTP0167	12	57	13	82	A2
15	TA31	Giáp Thị Minh	Ngọc	21/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DKT0547	12	53	7	72	A2
16	TA32	Trần	Phi	10/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD7A	17DQLDD0464	8	53	10	71	A2

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
								Nghe	Đọc + Viết	Nói	Tổng điểm	
17	TA36	Trần Thị Quỳnh	16/09/1999	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0161	4	55	11	70	A2
18	TA37	Hà Anh Sơn	11/12/2000	Hà Nội	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0162	10	54	9	73	A2
19	TA39	Nguyễn Văn Tâm	15/12/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0601	17	43	11	71	A2
20	TA41	Trần Quang Thành	21/10/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY 9A	19DTY0603	14	56	11	81	A2
21	TA42	Đào Thị Thanh Thảo	14/11/2000	Hà Nội	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0161	13	56	9	78	A2
22	TA44	Trương Tuấn Thảo	06/12/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0367	7	52	11	70	A2
23	TA46	Nguyễn Toàn Thắng	20/12/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0353	10	50	11	71	A2
24	TA47	Phạm Tiến Thắng	31/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	16DTY0435	12	50	10	72	A2
25	TA48	Nguyễn Thị Thu	28/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-THUY 9A	19DTY0604	14	53	6	73	A2
26	TA49	Nguyễn Văn Thuật	21/06/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0050	13	47	11	71	A2
27	TA50	Nông Kim Thùy	28/08/2000	Tuyên Quang	Nữ	D-QLTN8A	18DQLTN0375	17	42	11	70	A2
28	TA51	Nguyễn Thị Tinh	28/06/1996	Bắc Giang	Nữ	D-CHANNUOI5A	15DCN0103	17	44	9	70	A2
29	TA54	Vũ Thị Minh Trang	19/11/2001	Hà Nội	Nữ	D-CNTP 9A	19DCNTP0172	13	51	12	76	A2
30	TA56	Hoàng Văn Tùng	14/07/1999	Hà Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0115	18	41	11	70	A2
31	TA60	Trần Đình Vy	08/08/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0054	11	49	10	70	A2

Danh sách gồm 31 thí sinh./.